

Ngày 30/09/2025	1,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	42.9%	-23.1%

	Q3/25	
ROE	8.0%	+/- YoY ▼ 6.9%

	Q3/25		
DT thuần	19.0	QoQ	YoY
		▲ 2.90 ▲ 18.2%	▲ 10.8 ▲ 132%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	41.8	YoY
		▲ 16.0 ▲ 62.0%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	2.28	QoQ	YoY
		▼ 0.11 ▼ 4.4%	▲ 2.16 ▲ 1804%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN gộp	4.84	YoY
		▲ 8.55 ▲ 231%
	tỷ VNĐ	

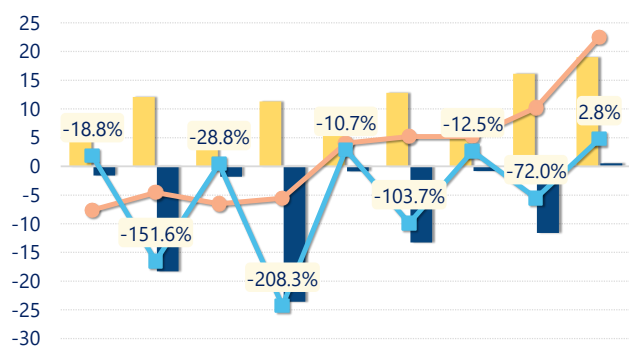
	Q3/25		
LN thuần	0.53	QoQ	YoY
		▲ 13.9 ▲ 104%	▲ 1.41 ▲ 160%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN thuần	-13.6	YoY
		▲ 12.7 ▲ 48.1%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	0.53	QoQ	YoY
		▲ 12.1 ▲ 105%	▲ 1.41 ▲ 160%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	-11.9	YoY
		▲ 14.4 ▲ 54.6%
	tỷ VNĐ	

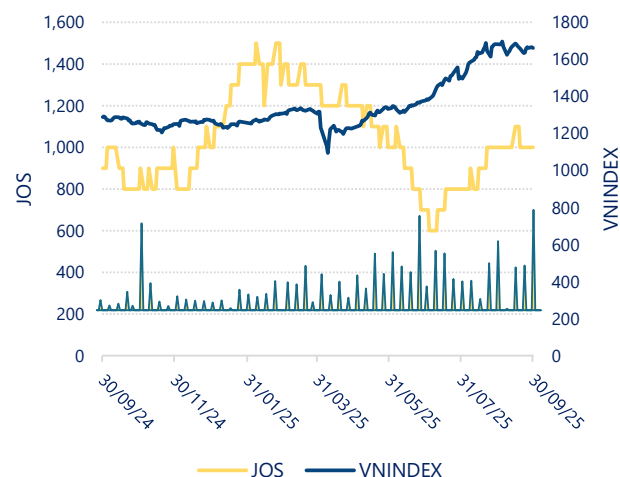
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

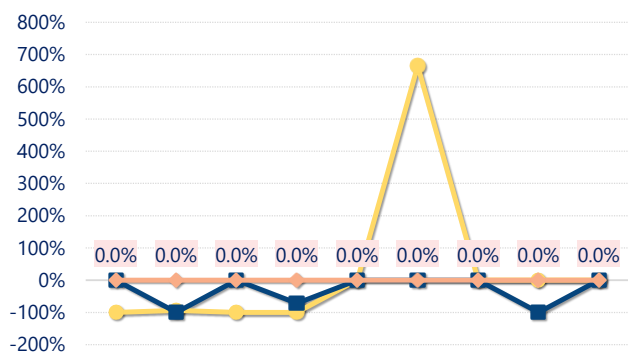
Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Doanh thu thuần Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng DTT (YoY) Tỷ suất LN ròng

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

Tăng trưởng lợi nhuận

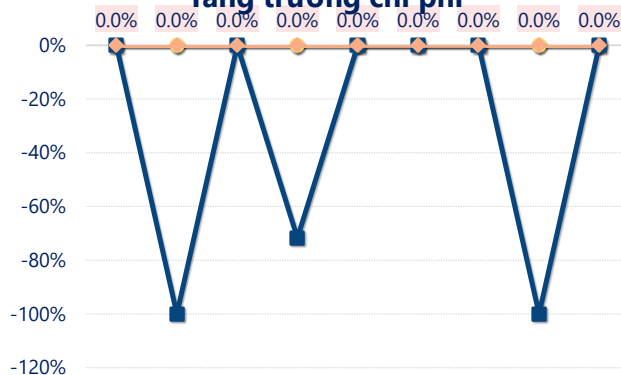


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

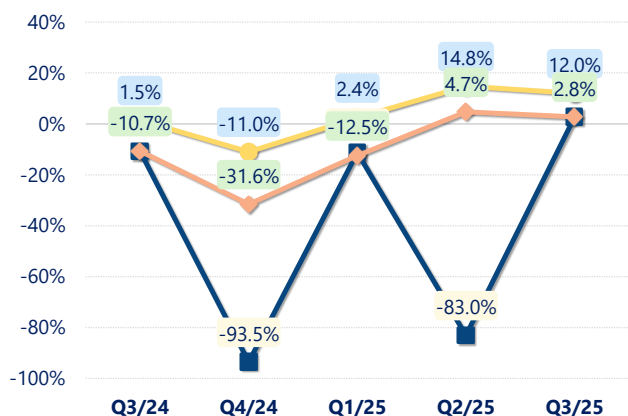


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

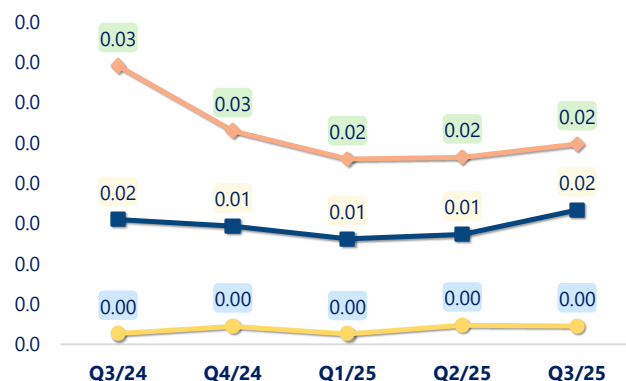


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

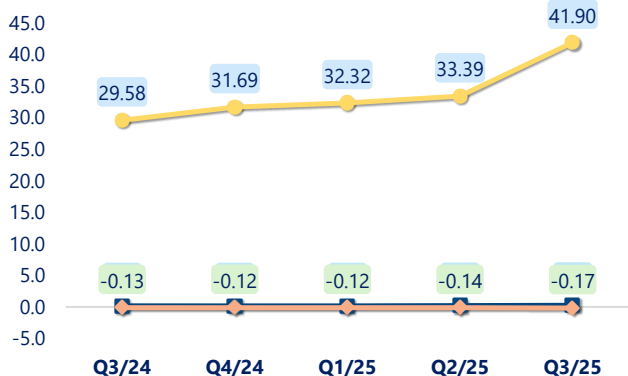


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

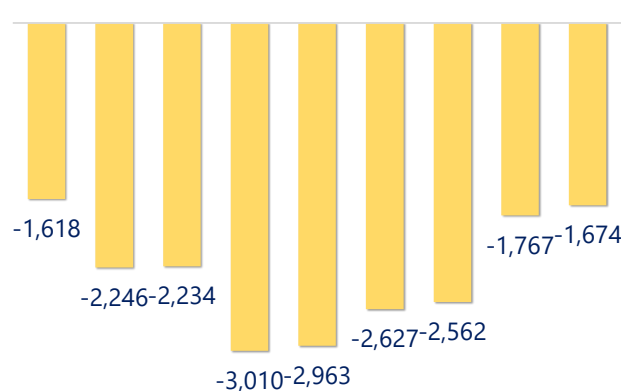


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	19.0	8.21	132%	41.8	25.8	62.0%
Giá vốn hàng bán	16.8	8.08	107%	37.0	29.5	25.3%
Lợi nhuận gộp	2.28	0.12	1804%	4.84	-3.71	231%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.73	-99.9%
Chi phí TC	0	0.00		14.3	20.0	-28.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		12.4	15.6	-20.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.14	0.16	-9.9%	0.38	0.93	-59.0%
Chi phí QLDN	1.61	0.84	92.2%	3.78	2.32	63.0%
LN thuần từ HĐKD	0.53	-0.88	160%	-13.6	-26.3	48.1%
Lợi nhuận khác	0	0.00		1.70	0.00	339075%
LN trước thuế	0.53	-0.88	160%	-11.9	-26.3	54.6%
Lợi nhuận sau thuế	0.53	-0.88	160%	-11.9	-26.3	54.6%
LNST của CĐ cty mẹ	0.53	-0.88	160%	-11.9	-26.3	54.6%

(Nguồn: fireant.vn)

